TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 840/SMBĐ - CBTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2025

V/v: *Công bố BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

1. **Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình**
   - Mã chứng khoán: PSB
   - Địa chỉ: 65A3 đường 30/04, P. Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh
   - Điện thoại: 0254.3628188 Fax: 0254.3628189
   - Email: saomaibendinh@ptsc.com.vn Website: www.pvsb.com.vn
2. **Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2025

☑ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán soát xét năm 2025):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/08/2025 tại đường dẫn : www.pvsb.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: ……
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):…
- Ngày hoàn thành giao dịch: …..

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Người công bố thông tin

Ngô Văn Lập

Tài liệu đính kèm:
- BCTC quý soát xét;
- 02 Văn bản giải trình.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Ban KS Cty (để b/c);
- Ban GĐ Cty;
- Ban BT Website (để thực hiện);
- Lưu VT; P.TCHC;NTH (scan).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2025
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

Tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Trương Đình Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Xuân Tài	Thành viên	
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban	
Ông Ngô Văn Lập	Thành viên	
Bà Nguyễn Diệu Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Bà Trương Thị Viên Trúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2025
Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	

Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Vĩ	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025
Bà Phạm Thị Hương Giang	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là:

Họ và tên		
Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2025
Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2025

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.

M.S.D.N: 3500794814-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI-BẾN ĐÌNH
P.RẠCH DỪA-TP.HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Lầu 10, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
Phường 2, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618/ Fax: (84-28) 3840 6616
Website: www.vaco.com.vn

SỐ: 160/VACO/BCSX.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số 35, theo Thông báo số 45/TB-TCS24-KDT của Thuế cơ sở 24 Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 7 năm 2025, tổng số tiền nợ thuế chưa nộp vào Ngân sách Nhà nước của Công ty liên quan đến lô đất thuộc dự án Cảng Sao Mai – Bến Đình tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 626.092.658.686 VND (trong đó, giá trị tiền thuê đất là 449.411.156.946 VND và tiền phạt chậm nộp là 176.681.501.740 VND). Công ty đã tạm ghi nhận tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất giai đoạn 01 từ 2008 đến 2015 sau khi tự xác định lại là 2.434.050.129 VND (xem Thuyết minh số 17) và chưa ghi nhận nghĩa vụ còn lại trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này. Cho đến ngày phát hành báo cáo này, với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên đến các khoản mục được trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

M.S.C.N:0102546856-002-C.T.T.N.H.H
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO
Q. BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**437.055.255.810**	**486.102.693.188**
I. Tiền	**110**	**4**	**28.660.549.524**	**40.812.328.907**
1. Tiền	111		28.660.549.524	40.812.328.907
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**260.595.547.945**	**307.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	260.595.547.945	307.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**140.575.410.233**	**96.308.078.909**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	59.520.527.667	59.297.916.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		415.191.811	8.674.631.861
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	94.171.609.485	41.867.449.348
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.531.918.730)	(13.531.918.730)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**7.000.290**	**39.695.892.095**
1. Hàng tồn kho	141		7.000.290	39.695.892.095
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**7.216.747.818**	**2.286.393.277**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	458.886.843	311.264.398
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.424.688.823	1.649.271.810
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	11	333.172.152	325.857.069
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**346.340.011.594**	**319.288.324.069**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**18.000.000**	**3.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	18.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**134.129.737.065**	**63.941.359.775**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	134.129.737.065	63.941.359.775
- Nguyên giá	*222*		*192.328.037.674*	*119.377.606.365*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(58.198.300.609)*	*(55.436.246.590)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	*228*		*53.372.880*	*53.372.880*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(53.372.880)*	*(53.372.880)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**14**	**157.292.053.131**	**159.659.689.059**
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(71.988.733.323)	(69.621.097.395)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**52.778.583.965**	**92.884.192.634**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	52.778.583.965	92.884.192.634
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.121.637.433**	**2.800.082.601**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.121.637.433	2.800.082.601
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**783.395.267.404**	**805.391.017.257**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**222.680.397.396**	**245.869.081.514**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**41.468.199.937**	**62.490.784.343**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	10.124.093.211	4.503.216.016
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	-	312.449.721
3. Phải trả người lao động	314		5.321.991.161	3.959.008.238
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	14.842.075.402	42.216.246.223
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	6.396.504.272	6.862.199.784
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.085.630.225	3.951.257.675
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		697.905.666	686.406.686
II. Nợ dài hạn	**330**		**181.212.197.459**	**183.378.297.171**
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	-	7.795.780
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	167.654.864.468	170.256.764.360
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	13.481.142.515	13.037.546.555
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**560.714.870.008**	**559.521.935.743**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**560.714.870.008**	**559.521.935.743**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*500.000.000.000*	*500.000.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.351.392.969	44.351.392.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.363.477.039	15.170.542.774
- LNST chưa phân phối lũy kế đến đầu kỳ	*421a*		*15.056.049.794*	*14.407.256.242*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*1.307.427.245*	*763.286.532*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**783.395.267.404**	**805.391.017.257**

Phạm Thị Hương Giang	**Phạm Thị Hương Giang**	**Nguyễn Thanh Hải**
Người lập biểu	**Phụ trách kế toán**	**Giám đốc**
		Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**24**	**110.045.519.882**	**67.481.749.359**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	**10**		**110.045.519.882**	**67.481.749.359**
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	97.090.310.933	62.747.273.821
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**12.955.208.949**	**4.734.475.538**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	7.095.813.408	8.701.655.337
6. Chi phí tài chính	22	28	19.726.027	552.390.221
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*19.726.027*	-
7. Chi phí bán hàng	25	29	291.222.054	291.222.054
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	14.056.944.038	12.785.850.888
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**5.683.130.238**	**(193.332.288)**
10. Thu nhập khác	31	30	1.166.752.614	590.933.523
11. Chi phí khác	32	31	5.098.859.647	1.308.489.765
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(3.932.107.033)**	**(717.556.242)**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**1.751.023.205**	**(910.888.530)**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	20	443.595.960	443.595.960
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**1.307.427.245**	**(1.354.484.490)**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**33**	**26**	**(27)**

M.S.D.N: 3500794814-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI-BẾN ĐÌNH
P.RẠCH DỪA-TP.HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Hương Giang	**Phạm Thị Hương Giang**	**Nguyễn Thanh Hải**
Người lập biểu	**Phụ trách kế toán**	**Giám đốc**
		Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***1.751.023.205***	***(910.888.530)***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	5.129.689.947	4.254.133.920
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(11.064.157)	540.677.684
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.084.737.251)	(8.437.348.663)
- Chi phí lãi vay	06	19.726.027	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***(195.362.229)***	***(4.553.425.589)***
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(51.491.560.636)	(11.003.620.866)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	39.688.891.805	1.028.732.185
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.360.385.319	(32.033.267.988)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	521.315.973	126.830.758
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.726.027)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(100.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(102.994.000)	(174.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(4.239.049.795)***	***(46.709.151.500)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(61.317.521.779)	(5.224.976.729)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	-	6.893.940
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(210.595.547.945)	(128.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	257.000.000.000	175.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.000.783.041	9.262.033.597
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(7.912.286.683)***	***51.043.950.808***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(495.405)	(378.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(495.405)***	***(378.300)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(12.151.831.883)**	**4.334.421.008**
Tiền đầu kỳ	**60**	**40.812.328.907**	**33.033.923.641**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	52.500	(227.591.599)
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**28.660.549.524**	**37.140.753.050**

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Giám đốc
Phạm Thị Hương Giang	Phạm Thị Hương Giang	Nguyễn Thanh Hải

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2012 và thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (địa chính cũ là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) cấp. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 4903000636 ngày 7 tháng 5 năm 2007 và thay đổi lần thứ 12 số 3500794814 ngày 28 tháng 4 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Upcom với mã chứng khoán là PSB.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 66 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 68 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; Khai thác cụm cảng container;
- Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Dịch vụ đại lý tàu biển; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;
- Xây dựng cảng; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; Kho chứa các sản phẩm dầu khí; Các công trình đường ống dẫn dầu, khí, nhiên liệu;
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- Kinh doanh phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Cho thuê các phương tiện vận tải; Cho thuê kho bãi;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê lại lao động.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu kỳ trước so sánh được với kỳ này.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt..

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính
	(Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc, thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 - 49 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí bảo trì, cải tạo nhà máy. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan:

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

Tên đầy đủ	Tên viết tắt	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt	PTSC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC - M&C	Thành viên PTSC
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC - Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - SB	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	PTSC - POS	Thành viên PTSC

Các thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)

Tên đầy đủ	Tên viết tắt	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu	PVC - MS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung	DQS	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PVC - PT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	PV Gas South	Thành viên PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - XN Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc	PV Gas D - NT	Thành viên PVN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan (Tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan (Tiếp theo):

Các thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) (Tiếp theo)

Tên đầy đủ	Tên viết tắt	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông	PVFCCO - ĐNB	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	PV Oil Vũng Tàu	Thành viên PVN
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, quản lý và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này		Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

4. TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	65.750.837	109.214.080
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.594.798.687	40.703.114.827
Cộng	**28.660.549.524**	**40.812.328.907**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	143.000.000.000	143.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	65.595.547.945	65.595.547.945	115.000.000.000	115.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Vũng Tàu	50.000.000.000	50.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Các ngân hàng khác	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	**260.595.547.945**	**260.595.547.945**	**307.000.000.000**	**307.000.000.000**

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất được hưởng từ 4,8% đến 5,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	**17.769.290.409**	**18.881.773.432**
Các thành viên thuộc Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC):		
- Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.779.200.756	164.856.710
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng hải	8.693.897.070	829.232.358
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	5.767.019.397	14.339.096.775
Các thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)		
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.529.173.186	3.548.587.589
b) Phải thu của khách hàng khác	**41.751.237.258**	**40.416.142.998**
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	13.531.918.730
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	27.932.783.359	26.341.034.185
Khách hàng khác	286.535.169	543.190.083
Cộng	**59.520.527.667**	**59.297.916.430**

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	**94.171.609.485**	**41.867.449.348**
Lãi dự thu	3.815.077.498	3.731.123.288
Tạm ứng	65.000.000	-
Tạm ứng của ông Trần Đức Hạnh - Bên liên quan	-	142.682.000
Doanh thu trích trước từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	90.213.544.316	37.860.373.422
a1) Bên liên quan - Thành viên của PTSC		
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	2.289.893.945	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	2.385.745.664	4.959.615
- Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	61.400.566.781	23.862.791.475
+ Tiền thuê đất (i)	*59.936.218.634*	*22.995.202.096*
+ Trích trước tiền điện, nước	*1.464.348.147*	*867.589.379*
a2) Bên liên quan - Các thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)		
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	23.655.228.560	13.992.622.332
+ Tiền thuê đất (i)	*22.407.936.567*	*13.304.797.902*
+ Trích trước tiền điện, nước	*1.247.291.993*	*687.824.430*
a3) Đối tượng khác:		
- Công ty TNHH A SUNG VINA	482.109.366	-
Các khoản phải thu khác	77.987.671	133.270.638
b) Phải thu dài hạn khác	**18.000.000**	**3.000.000**
Ký quỹ	18.000.000	3.000.000
Cộng	**94.189.609.485**	**41.870.449.348**

7. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(i) Từ năm 2024, Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền thuê đất giai đoạn 1 (từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 11 tháng 02 năm 2015) mà Công ty đã thực nộp vào Ngân sách Nhà nước cho hai đơn vị là Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard") và Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí ("PVC-MS") căn cứ theo các thỏa thuận cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, cụ thể: Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard") theo Hợp đồng số CN0107001/HDKT-PVSB ngày 06 tháng 12 năm 2007 và Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí ("PVC-MS") theo Hợp đồng số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09 tháng 8 năm 2010, trong đó, giá thuê sẽ bao gồm các chi phí sử dụng đất, tiền thuê đất mà Công ty phải trả cho Chi cục thuế Cơ sở 24 Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định cộng với 10% chi phí quản lý (Giá thuê bao gồm chi phí đầu tư xây dựng cộng với các khoản chi phí sử dụng đất phải nộp cho địa phương theo quy định), tuy nhiên, kể từ khi Công ty ký hợp đồng cho thuê mặt bãi với PV Shipyard và PVC-MS, giá trị cho thuê chỉ tính toán trên giá trị đầu tư hạ tầng là chính, còn chi phí thuê và sử dụng đất phải đóng cho địa phương chưa đưa vào vì chưa có các thông báo của cơ quan thuế.

Tổng giá trị tiền thuê đất liên quan mà Công ty đã thực hiện nộp vào ngân sách tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 94.178.301.214 VND, Công ty đã thực hiện phân bổ một phần nghĩa vụ nộp tiền thuê đất này cho PV Shipyard (tương ứng với số tiền là 59.936.218.634 VND) và PVC-MS (tương ứng với số tiền là 32.194.110.231 VND) dựa theo diện tích đất mà các công ty này đã thuê sử dụng trong giai đoạn nêu trên (Xem thuyết minh số 35).

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, PV Shipyard còn nợ Công ty là 59.936.218.634 VND (đây toàn bộ là tiền thuê đất cho giai đoạn nêu trên) và PVC-MS còn nợ Công ty là 22.407.936.567 VND (bao gồm 21.198.409.485 VND là một phần tiền thuê đất cho giai đoạn nêu trên và 1.209.527.082 VND là giá trị liên quan đến phí quản lý). Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với 02 Công ty này để thực hiện thu hồi các nghĩa vụ nợ liên quan.

8. NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-
Cộng	**13.531.918.730**	**-**	**13.531.918.730**	**-**

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	7.000.290	-	39.695.892.095	-
Cộng	**7.000.290**	**-**	**39.695.892.095**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**458.886.843**	**311.264.398**
Phí bảo hiểm, kiểm định	379.487.376	211.819.896
Chi phí khác	79.399.467	99.444.502
b) Dài hạn	**2.121.637.433**	**2.800.082.601**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	258.378.830	281.552.143
Chi phí sửa chữa	1.577.168.067	2.203.693.748
Khác	286.090.536	314.836.710
Cộng	**2.580.524.276**	**3.111.346.999**

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	Tại ngày 30/6/2025
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu	**325.857.069**	**235.241.554**	**242.556.637**	**333.172.152**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	319.756.995	-	-	319.756.995
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	13.415.157	13.415.157
Các loại thuế khác	6.100.074	235.241.554	229.141.480	-
b) Phải nộp	**312.449.721**	**65.304.953.104**	**65.617.402.825**	**-**
Thuế giá trị gia tăng	-	445.658.604	445.658.604	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	244.763.251	244.763.251	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.995.291	3.995.291	-
Thuế thu nhập cá nhân	312.449.721	432.234.744	744.684.465	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	-	64.178.301.214	64.178.301.214	-

(i) Tiền thuê đất tạm nộp cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 14 tháng 02 năm 2015 (giai đoạn trước khi Công ty đầu tư xây dựng trên khu đất này) của Công ty đối với lô đất 819.325,4 m^2 để đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình như trình bày tại thuyết minh số 35.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2025	**75.565.635.984**	**2.931.159.259**	**6.278.418.313**	**192.540.000**	**34.409.852.809**	**119.377.606.365**
- Đầu tư XDCB hoàn thành (i)	72.950.431.309	-	-	-	-	72.950.431.309
Tại ngày 30/6/2025	**148.516.067.293**	**2.931.159.259**	**6.278.418.313**	**192.540.000**	**34.409.852.809**	**192.328.037.674**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2025	**18.976.600.317**	**882.606.039**	**3.616.131.124**	**125.482.013**	**31.835.427.097**	**55.436.246.590**
- Khấu hao trong kỳ	1.760.302.209	82.608.642	260.282.148	16.056.660	642.804.360	2.762.054.019
Tại ngày 30/6/2025	**20.736.902.526**	**965.214.681**	**3.876.413.272**	**141.538.673**	**32.478.231.457**	**58.198.300.609**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	**56.589.035.667**	**2.048.553.220**	**2.662.287.189**	**67.057.987**	**2.574.425.712**	**63.941.359.775**
Tại ngày 30/6/2025	**127.779.164.767**	**1.965.944.578**	**2.402.005.041**	**51.001.327**	**1.931.621.352**	**134.129.737.065**

(i) Đây là giá trị tạm ghi tăng nguyên giá Mặt bãi và hệ thống cấp, thoát nước phân khu 1 - phân kỳ 2 (5,2ha) để đưa vào sử dụng kể từ ngày 08 tháng 3 năm 2025 theo bảng kê tạm tính nguyên giá tài sản cố định được Giám đốc phê duyệt ngày 08 tháng 3 năm 2025. Hạng mục này hiện chưa được quyết toán do vậy Công ty đang tạm ghi nhận nguyên giá đến thời điểm đưa vào sử dụng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 với giá trị là 32.754.160.770 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 32.754.160.770 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2025	**53.372.880**	**53.372.880**
Tại ngày 30/6/2025	**53.372.880**	**53.372.880**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2025	**53.372.880**	**53.372.880**
Tại ngày 30/6/2025	**53.372.880**	**53.372.880**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 30/6/2025	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 với giá trị là 53.372.880 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 53.372.880 VND).

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2025	**229.280.786.454**	**229.280.786.454**
Tại ngày 30/6/2025	**229.280.786.454**	**229.280.786.454**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2025	**69.621.097.395**	**69.621.097.395**
- Khấu hao trong kỳ	2.367.635.928	2.367.635.928
Tại ngày 30/6/2025	**71.988.733.323**	**71.988.733.323**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025	**159.659.689.059**	**159.659.689.059**
Tại ngày 30/6/2025	**157.292.053.131**	**157.292.053.131**

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa thực hiện đánh giá và xác định một cách chính thức nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Căn cứ vào tình hình cho thuê hiện tại, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

STT	Danh mục Bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
		VND	VND	VND
1	Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	131.881.668.267	42.586.788.609	89.294.879.658
2	Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	97.399.118.187	29.401.944.714	67.997.173.473
	Cộng	**229.280.786.454**	**71.988.733.323**	**157.292.053.131**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 39,8 tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2009 (Hợp đồng kinh tế số 0107001/HĐKT-PVSB ngày 6 tháng 12 năm 2007). Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2010 và sau đó được thuê bởi Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010 (Hợp đồng nguyên tắc số 23/PVSB-PVC/12-09/M ngày 11 tháng 12 năm 2009 và Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 9 tháng 8 năm 2010). Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 49 năm.

15. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (i)	37.935.561.603	38.611.148.885
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình (ii)	2.035.335.604	41.465.356.991
Dự án Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và Di dời, lắp đặt Nhà xưởng hiện hữu (iii)	12.725.868.576	12.725.868.576
Dự án khác	81.818.182	81.818.182
Cộng	**52.778.583.965**	**92.884.192.634**

(i) Các chi phí ban đầu (bồi thường, rà phá bom mìn, vật liệu nổ, đền bù giải phóng mặt bằng) triển khai cho việc thực hiện đầu tư dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo Quyết định của Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(đơn vị hành chính trước ngày 01/7/2025)*. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2025, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo các hướng dẫn của UBND tỉnh (*thông tin bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xem tại Thuyết minh số 35*).

(ii) Các chi phí đầu tư dở dang riêng cho dự án thành phần là Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai – Bến Đình trong tổng diện tích đất đã được bàn giao đợt 1 cho Công ty. Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành hạng mục san lấp mặt bằng Phân khu 1 – Phân kỳ 2 cho diện tích 5,2 ha. Ngày 08 tháng 3 năm 2025, Công ty đã tạm ghi tăng tài sản cố định do đã đưa vào sử dụng. Đến thời điểm hiện tại, dự án này vẫn đang thực hiện quyết toán giá trị công trình hoàn thành.

(iii) Đây là chi phí liên quan hạng mục "di dời lắp đặt nhà xưởng hiện hữu" thuộc Công trình "Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (Nối từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)". Giá trị hạng mục này sẽ được tập hợp và phân bổ khi Dự án Công trình "Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (Nối từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)" thực hiện hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	**354.735.052**	**354.735.052**
i) Bên liên quan - Thành viên PTSC				
- Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	-	354.735.052	354.735.052
b) Phải trả người bán là các đối tượng khác	**10.124.093.211**	**10.124.093.211**	**4.148.480.964**	**4.148.480.964**
Techcrane International, LLC	1.061.998.819	1.061.998.819	3.372.567.196	3.372.567.196
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA E&C	5.746.503.897	5.746.503.897	-	-
Công ty TNHH Xây dựng An Lạc	1.696.290.243	1.696.290.243	-	-
Nhà cung cấp khác	1.619.300.252	1.619.300.252	775.913.768	775.913.768
Cộng	**10.124.093.211**	**10.124.093.211**	**4.503.216.016**	**4.503.216.016**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**14.842.075.402**	**42.216.246.223**
Trích trước chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	42.550.000	170.565.000
Trích trước chi phí thi công san lấp mặt bằng	632.777.777	37.524.409.993
Trích trước chi phí cho dự án phát triển mỏ Kình Ngư Trắng	2.136.255.689	-
Trích trước chi phí cho dự án Lạc Đà Vàng	7.918.721.013	-
Trích trước tiền chậm nộp thuê đất giai đoạn 1 (i)	2.434.050.129	-
Chi phí khác	1.677.720.794	4.521.271.230
b) Dài hạn	-	**7.795.780**
Trích trước chi phí ký quỹ bảo lãnh bảo hành công trình	-	7.795.780
Cộng	**14.842.075.402**	**42.224.042.003**

(i) Đây là giá trị trích trước tiền chậm nộp tiền thuê đất giai đoạn 2008 đến 2015 liên quan đến Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của Công ty (Xem thuyết minh số 35).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	**6.396.504.272**	**6.862.199.784**
a1) Bên liên quan	***5.590.049.784***	***6.862.199.784***
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	1.440.000.000
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (i)	3.017.358.087	3.017.358.087
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (i)	2.186.441.697	2.186.441.697
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	386.250.000	218.400.000
a2) Đối tượng khác	***806.454.488***	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	806.454.488	-
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	**167.654.864.468**	**170.256.764.360**
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (i)	95.046.779.758	96.555.458.802
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (i)	72.608.084.710	73.701.305.558

(i) Số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu *(đơn vị hành chính trước ngày 01/07/2025)* cho tổng thời gian thuê 48 – 49 năm tương ứng phần diện tích cho thuê. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm trong thời gian 48 và 49 năm kể từ thời điểm cho thuê.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.948.154.025	3.948.649.430
Các khoản phải trả khác	137.476.200	2.608.245
Cộng	**4.085.630.225**	**3.951.257.675**

20. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	**13.037.546.555**	**12.150.354.635**
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	443.595.960	887.191.920
Số dư cuối kỳ	**13.481.142.515**	**13.037.546.555**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 năm và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	**500.000.000.000**	**44.351.392.969**	**14.870.140.296**	**559.221.533.265**
Lãi trong năm	-	-	763.286.532	763.286.532
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(462.884.054)	(462.884.054)
Tại ngày 31/12/2024	**500.000.000.000**	**44.351.392.969**	**15.170.542.774**	**559.521.935.743**
Lãi trong kỳ	-	-	1.307.427.245	1.307.427.245
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(114.492.980)	(114.492.980)
Tại ngày 30/6/2025	**500.000.000.000**	**44.351.392.969**	**16.363.477.039**	**560.714.870.008**

(i) Theo Nghị Quyết số 112/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 với số tiền là 114.492.980 VND.

Cổ phiếu	**30/06/2025**	**01/01/2025**
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*50.000.000*	*50.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*50.000.000*	*50.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	30/06/2025		**01/01/2025**	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	255.000.000.000	51%	255.000.000.000	51%
Phần vốn của các đối tượng khác	245.000.000.000	49%	245.000.000.000	49%
Cộng	**500.000.000.000**	**100%**	**500.000.000.000**	**100%**

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	**01/01/2025**
Đô la Mỹ (USD)	100,00	100,00

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đã xử lý

	30/06/2025	**01/01/2025**
Công ty CP Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco)	10.530.000.000	10.530.000.000

Tại ngày 29 tháng 11 năm 2021, Sopewaco đã bị Tòa án Nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 01/2021/QĐ-TBPS tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản. Do đó, Công ty đã đánh giá khoản đầu tư này không thể thu hồi được và tiến hành xử lý tổn thất khoản đầu tư theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng.
- Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; dịch vụ cho thuê lại lao động.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bảng cân đối kế toán:

Tại ngày 30/6/2025	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	441.130.522.080	13.315.329.763	30.029.598.506	484.475.450.349
Tài sản không phân bổ				298.919.817.055
Tổng tài sản				**783.395.267.404**
Nợ phải trả bộ phận	197.283.625.535	7.932.357.093	4.781.010.195	209.996.992.823
Nợ phải trả không phân bổ				12.683.404.573
Tổng nợ phải trả				**222.680.397.396**

Tại ngày 01/01/2025	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	362.941.443.767	13.906.171.938	73.081.741.677	449.929.357.382
Tài sản không phân bổ				355.461.659.875
Tổng tài sản				**805.391.017.257**
Nợ phải trả bộ phận	228.692.378.893	7.795.780	7.609.849.771	236.310.024.444
Nợ phải trả không phân bổ				9.559.057.070
Tổng nợ phải trả				**245.869.081.514**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	28.118.389.553	30.969.945.820	50.957.184.509	110.045.519.882
Giá vốn	21.309.591.763	27.484.024.165	48.296.695.005	97.090.310.933
Kết quả kinh doanh bộ phận	**6.808.797.790**	**3.485.921.655**	**2.660.489.504**	**12.955.208.949**
Chi phí không phân bổ				(14.348.166.092)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.392.957.143)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				7.076.087.381
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				5.683.130.238
Lợi nhuận khác				(3.932.107.033)
Lợi nhuận trước thuế				1.751.023.205
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(443.595.960)
Lợi nhuận sau thuế				1.307.427.245
Thông tin khác				
Khấu hao				5.129.689.947

Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.534.050.172	23.998.282.066	28.949.417.121	67.481.749.359
Giá vốn	13.119.353.473	21.741.357.866	27.886.562.482	62.747.273.821
Kết quả kinh doanh bộ phận	**1.414.696.699**	**2.256.924.200**	**1.062.854.639**	**4.734.475.538**
Chi phí không phân bổ				(13.077.072.942)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(8.342.597.404)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				8.149.265.116
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				(193.332.288)
Lợi nhuận khác				(717.556.242)
Lợi nhuận trước thuế				(910.888.530)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(443.595.960)
Lợi nhuận sau thuế				(1.354.484.490)
Thông tin khác				
Khấu hao				4.254.133.920

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	10.920.421.842	3.401.899.892
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.654.785.460	48.199.315.623
Doanh thu bán hàng hóa	44.470.312.580	15.880.533.844
Cộng	**110.045.519.882**	**67.481.749.359**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	6.407.820.747	2.903.105.683
Giá vốn cung cấp dịch vụ	48.533.462.154	44.567.692.075
Giá vốn bán hàng hóa	42.149.028.032	15.276.476.063
Cộng	**97.090.310.933**	**62.747.273.821**

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	999.718.010	1.511.377.449
Chi phí nhân công	18.122.520.714	22.317.768.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.129.689.947	4.254.133.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.933.726.212	17.310.405.364
Chi phí khác	3.364.719.526	4.447.489.084
Cộng	**71.550.374.409**	**49.841.173.963**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	7.084.737.251	8.437.348.663
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.076.157	264.306.674
Cộng	**7.095.813.408**	**8.701.655.337**

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.726.027	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	552.390.221
Cộng	**19.726.027**	**552.390.221**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí khấu hao TSCĐ	291.222.054	291.222.054
Cộng	**291.222.054**	**291.222.054**
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	8.863.344.778	5.814.130.811
Chi phí vật liệu quản lý	675.430.367	514.055.450
Chi phí khấu hao TSCĐ	649.613.865	965.078.493
Thuế, phí và lệ phí	651.228.277	4.415.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	714.795.384	1.299.816.824
Các khoản chi phí QLDN khác	2.502.531.367	4.188.354.310
Cộng	**14.056.944.038**	**12.785.850.888**

30. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	6.893.940
Thu tiền phạt giao hàng chậm	1.166.752.614	584.039.583
Cộng	**1.166.752.614**	**590.933.523**

31. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Phạt giao hàng chậm	2.642.133.252	1.307.917.545
Khoản phạt nộp chậm tiền thuê đất (i)	2.434.050.129	-
Các khoản bị phạt, truy thu khác	22.676.266	-
Chi phí khác	-	572.220
Cộng	**5.098.859.647**	**1.308.489.765**

(i) Đây là khoản tiền chậm nộp tiền thuê đất và tiền chậm nộp tiền chậm nộp tiền thuê đất cho giai đoạn từ 2008 đến 2015 của Công ty đã tạm tính và ghi nhận trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.751.023.205**	**(910.888.530)**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**254.221.844**	**(2.670.364.049)**
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	***(2.308.101.252)***	***(2.756.976.854)***
Chênh lệch khấu hao	(2.217.979.800)	(2.217.979.800)
Quỹ lương dự phòng năm 2024 chuyển sang thực hiện năm 2025	(82.523.923)	(445.734.750)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền và phải thu cuối kỳ trước	(7.545.029)	(93.262.304)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu cuối kỳ nay	(52.500)	-
Cộng: Các khoản làm tăng thu nhập chịu thuế	***2.562.323.096***	***86.612.805***
Chi phí không được trừ	2.562.323.096	86.612.805
Thu nhập chịu thuế	**2.005.245.049**	**(3.581.252.579)**
Chuyển lỗ	*(2.005.245.049)*	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 1.300.292 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 30/6/2025	Số lỗ còn được chuyển	Tình hình quyết toán thuế
	VND		VND	VND	
2022	1.068.173.798	2023 - 2027	1.068.173.798	-	Chưa quyết toán
2024	938.371.543	2025 - 2029	937.071.251	1.300.292	Chưa quyết toán
			2.005.245.049	**1.300.292**	

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.307.427.245	(1.354.484.490)
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.307.427.245**	**(1.354.484.490)**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**26**	**(27)**

(i) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cả năm 2024, tuy nhiên, Công ty không tách được quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 nên không trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty chưa có phương án cụ thể cho việc phân phối lợi nhuận năm 2025, việc trích lập các quỹ sẽ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	593.100.000	593.100.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.372.400.000	2.372.400.000
Trên 5 năm	16.310.250.000	16.606.800.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện: Tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 5.000 m^2 tại bãi thi công của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phụ lục hợp đồng thuê được ký với thời hạn được tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2057.

35. THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN (TIẾP THEO)

i. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng (Tiếp theo)

- ✓ Giai đoạn 3 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến ngày 12 tháng 02 năm 2029): Giai đoạn 11 năm tiếp sau 03 năm xây dựng cơ bản - Công ty đang xin ưu đãi đầu tư đặc biệt cho mục tiêu đầu tư "cảng biển". Do Công ty phải điều chỉnh lại quy mô dự án cho phù hợp với quy hoạch của Tỉnh, nên việc xem xét phê duyệt Dự án đang bị chậm so với kế hoạch. Công ty đang tích cực giải trình, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Dự án. Ngày 26 tháng 6 năm 2025, Sở Nông nghiệp & Môi trường đã có Văn bản số 4677/SNNMT-QLTN gửi Chi cục thuế về việc xác nhận đã hoàn tất thủ tục đất đai và đề nghị Chi cục Thuế khu vực tiếp tục thực hiện các thủ tục và thông báo cho Công ty và cơ quan quản lý đất đai theo quy định của pháp luật và theo chỉ đạo của UBND tỉnh (Văn bản số 9453/UBND-VP ngày 16/6/2025) về việc xem xét, giải quyết các chính sách ưu đãi đầu tư cho dự án của Công ty. Cho đến hiện nay, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với Chi cục Thuế TP. Hồ Chí Minh (đơn vị hành chính sau ngày 01/07/2025) về thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất cho giai đoạn này.

  Trong trường hợp, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục nhưng không được hưởng ưu đãi, số tiền phải nộp cho giai đoạn này bao gồm: tiền thuê đất: 415.758.403.961 VND, tiền chậm nộp: 138.025.390.950 VND, tổng số tiền phải nộp: 553.783.794.911VND (Công ty đã tạm tính số tiền được phân bổ cho các bên theo diện tích sử dụng lần lượt là: Công ty: 126.476.154.838 VND, PV Shipyrard: 270.689.408.844 VND, PVC-MS: 156.618.231.229 VND).

Hiện tại, Công ty đang nỗ lực đẩy nhanh các thủ tục xin ưu đã dự án đầu tư, vận dụng các quy định pháp luật để dự án Cảng Sao Mai – Bến Đình được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định của nghị định 118 (được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021. Công ty xác định, nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đất sẽ chỉ được xác nhận sau khi có quyết định dự án Cảng Sao Mai Bến Đình đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi và có tiếp tục được miễn tiền thuê đất hay không. Do vậy, Công ty tạm thời chưa ghi nhận nghĩa vụ liên quan khoản tiền thuê đất nêu trên trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

ii. Thông tin về điều chỉnh dự án đầu tư

Theo Nghị quyết số 74/NQ-SMBĐ-ĐHCĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã chấp thuận chủ trương điều chỉnh giảm quy mô dự án đầu tư: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình với tổng diện tích sử dụng của dự án đầu tư sau điều chỉnh là 112,5 ha (diện tích dự án đầu tư trước điều chỉnh là 161,5 ha). Mục đích điều chỉnh giảm quy mô dự án để thực hiện Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (đơn vị hành chính trước ngày 01/07/2025) đến năm 2035, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty. Tháng 10 năm 2022, Công ty đã thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí SM - BĐ theo quy định của Luật đầu tư 2020 và nộp đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được xem xét thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư.

Từ giai đoạn đó đến nay, Công ty đã bổ sung và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh chủ trương dự án theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời thực hiện nộp lại. Tuy nhiên, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, do có sự thay đổi về địa giới hành chính, Công ty đang tiếp tục phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nộp lại hồ sơ dự án đầu tư, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày trong các thuyết minh số 6 ,7, 14, 16, 17, 18 và 21; trong kỳ, Công ty còn các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
Doanh thu	VND	VND
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	9.067.505.734	37.847.165.343
PTSC - M&C	38.406.618.593	-
PV Shipyard	8.999.022.126	9.324.584.448
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	7.441.827.480	4.380.221.720
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Hotel	754.404.000	184.261.350
PTSC - SB	17.200.000	45.558.500
PV Shipyard	306.334.545	649.113.111
Các thành viên thuộc PVN		
PV Oil Vũng Tàu	-	259.425.978
PVI Vũng Tàu	300.122.619	406.948.544
Thu tiền bán hàng		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	14.336.698.110	74.020.091.789
PTSC - M&C	31.368.493.145	1.327.023.467
PV Shipyard	5.135.517.883	2.682.158.192
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	8.260.690.725	2.385.944.860
Thanh toán tiền mua hàng		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - SB	48.038.400	52.905.532
PTSC - Hotel	814.912.413	273.878.948
PTSC - M&C	-	45.360.000
Các thành viên thuộc PVN		
PV Oil Vũng Tàu	-	89.563.859
PVN	-	57.918.341
PVI Vũng Tàu	302.158.447	406.948.544
Chi hộ		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	405.500.000	-

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo):

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
Thu lại tiền chi hộ	VND	VND
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	422.000.000	-
Bù trừ công nợ		
Các thành viên thuộc PTSC		
PV Shipyard	680.225.452	767.773.391

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
			VND	VND
I.	**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**		**694.806.104**	**413.514.774**
1	Dương Hùng Văn	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	219.057.145	-
2	Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	182.894.814	-
3	Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	292.854.145	413.514.774
II.	**Ban kiểm soát**		**245.290.990**	**353.307.464**
III.	**Kế toán trưởng**		**182.205.990**	**353.307.465**
1	Phạm Minh Vĩ	Kế toán trưởng	182.205.990	353.307.465
	Cộng		**1.122.303.084**	**1.120.129.703**

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm 3.815.077.498 VND (năm trước là 3.731.123.288 VND) là số tiền lãi gửi tiết kiệm phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận nhưng đã bao gồm 3.731.123.288 VND là số tiền lãi gửi tiết kiệm phát sinh trong năm trước đã được nhận trong kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền bù trừ tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 4.329.220.507 VND (năm trước là 36.425.965.525 VND) là số tiền chi về mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ chưa được thanh toán nhưng đã bao gồm 31.073.351.757 VND là khoản tiền mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang thời điểm năm trước được thanh toán trong kỳ này. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ (Tiếp theo)

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 2.510.451.426 VND là số tiền trả trước nhà cung cấp về mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng dở dang trong năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Phạm Thị Hương Giang	**Phạm Thị Hương Giang**	**Nguyễn Thanh Hải**
Người lập biểu	**Phụ trách kế toán**	**Giám đốc**
		Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025